

Số: 127/2024/QĐST-HNGĐ

B, ngày 04 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 176/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thúy P, sinh năm 1987.

ĐKTT: số 425/TN, ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ tạm trú: số D, đường X, khu phố E, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: số D, ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thúy P và anh Trần Văn T. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 89, ngày 21/8/2009 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy P trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Văn V, sinh ngày 21/02/2007 và Trần Thị Lan A, sinh ngày 17/01/2016; Anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Văn T1, sinh ngày 26/02/2009. Ghi

nhận sự tự nguyện của chị P, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn T, chị Nguyễn Thị Thúy P có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2.4. Án phí hôn nhân và gia đình hòa giải thành là: 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) chị Nguyễn Thị Thúy P tự nguyện nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004250 ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Sau khi khấu trừ, chị P còn nhận lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Văn Long